



ĐỘC TÀI, CÁCH MẠNG VÀ DÂN CHỦ: AI CẬP VÀ TÁC ĐỘNG KHU VỰC

Nguồn: Amin Saikal (2011). "Authoritarianism, revolution and democracy: Egypt and beyond", *Australian Journal of International Affairs*, Vol. 65, No. 5, pp. 530-544.

Biên dịch: Đào Anh Dũng | **Hiệu đính:** Nghiêm Hồng Sơn

Các cuộc nổi dậy vì dân chủ của người dân Ả-rập là tự phát, nhưng có lẽ không hoàn toàn bất ngờ. Chúng xảy ra trong bối cảnh bất đồng gia tăng giữa giai cấp thống trị và bị trị, áp bức chính trị, bất bình đẳng kinh tế và xã hội, các thay đổi về nhân khẩu học, nạn thất nghiệp và các thất bại trong chính sách ngoại giao. Mặc dù các cuộc nổi dậy bắt đầu ở Tunisia, nhưng chính trường hợp Ai Cập mới khắc họa tình hình một cách rõ nét hơn cũng như cho thấy tác động của nó đến phần còn lại của thế giới Ả-rập. Lúc này không thể biết kết cục sẽ ra sao. Nhưng chắc chắn nhân dân các nước Ả-rập vừa bắt đầu một hành trình dài mưu cầu sự tự quyết đúng nghĩa. Cuộc hành trình sẽ gian nan và đầy bất trắc đối với nhân dân Ả-rập và các dân tộc khác, nhưng phải coi đó là một phần của quá trình quá độ từ quá khứ độc tài sang tương lai đa nguyên chính trị.

Lần đầu tiên sau gần 800 năm, người dân Ả-rập đang vùng lên nhằm định đoạt tương lai của họ. Kể từ năm 1258, khi người Mông Cổ cướp phá Baghdad, thủ đô lộng lẫy của đế chế Hồi giáo Abbas vùng Ả-rập, thì số phận của nhân dân Ả-rập gần như bị định đoạt bởi các thế lực ngoại bang, từ đế chế Ottoman đến thực dân châu Âu, đặc biệt là Anh và Pháp, và cuối cùng là sự thống trị về địa-chính trị của Mỹ đối với Trung Đông sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Người dân Ả-rập vừa mở ra

một cơ hội chưa từng có để định hình nền chính trị của mình độc lập với bên ngoài nhưng chúng ta không nên đánh giá thấp những khó khăn của quá trình này.

Các cuộc cách mạng ở Tunisia và Ai Cập, cũng như các cuộc nổi dậy của quần chúng khắp thế giới Ả-rập lấy cảm hứng từ đó, đã làm rung chuyển các chế độ độc tài và đẩy Mỹ cùng các đồng minh của họ, đặc biệt là Israel, vào thế khó về chính sách. Lần này, đòi hỏi của nhân dân Ả-rập là sự chuyển biến dân chủ của xã hội phải do họ chủ trì thay vì các thế lực bên ngoài và giới cầm quyền - những người đã liên tục thất hứa về cải cách dân chủ và quản trị tốt. Người dân Tunisia và Ai Cập vừa phá vỡ ách cai trị độc tài, nhưng đồng bào Ả-rập của họ ở các khu vực khác của Trung Đông vẫn đang vướng vào cuộc đấu tranh - đôi khi rất đẫm máu, như trường hợp Libya, Bahrain, Yemen và Syria - nhằm theo đuổi những mục tiêu tương tự. Cuộc nổi dậy ở Tunisia đã châm ngòi nhưng cuộc cách mạng ở Ai Cập mới thực sự mở van xả lũ bởi vị thế trọng yếu của Ai Cập trong thế giới Ả-rập.

Ai Cập là chủ đề chính của bài báo này với 3 mục tiêu. Thứ nhất là bàn về triều đại của tổng thống được phương Tây hậu thuẫn Hosni Mubarak (1981 - 2011), và về bối cảnh đã tạo điều kiện cho cách mạng. Thứ hai là xem xét triển vọng hiện nay đối với chuyển biến dân chủ ở Ai Cập. Thứ ba là rút ra những bài học sâu rộng hơn từ những biến động tại Ai Cập.

Triều đại Mubarak

Lên nắm quyền sau khi tổng thống Anwar al-Sadat bị ám sát năm 1981 bởi một phần tử Hồi giáo cực đoan vốn phản đối Hiệp định hòa bình năm 1979 của Sadat với Israel,¹ ông Mubarak nắm quyền điều hành đất nước trong tình trạng khẩn cấp theo Đạo luật số 162, theo đó cho phép mở rộng quyền lực của cảnh sát, hợp pháp hóa việc kiểm duyệt và tạm ngừng các quyền Hiến định (Singerman 2002). Trái với lời hứa về một chính phủ tốt hơn và thân thiện hơn, ông đã tăng cường hệ thống độc tài đảng trị - hành chính quan liêu - an ninh trị - vốn đã được thiết lập hầu hết dưới thời hai tổng thống tiền nhiệm là Sadat và Gamal Abdul Nasser - người đã lật đổ nền quân chủ thân Anh và tuyên bố biến đất nước trở thành một nhà nước cộng hòa theo chủ nghĩa dân tộc Ả-rập vào năm 1952 (để biết thêm về Nasser, xem Beattie 1994; Kankowski 2002). Ông nhất nhất không chịu nhận ra rằng một mô hình như vậy nói chung là tai hại và sẽ gây ra trì trệ về kinh tế-xã hội và chính trị cũng như thất bại trong chính sách ngoại giao. Ông đã mở rộng quyền lực của Bộ

¹ Để biết thêm đánh giá của người trong cuộc về thời gian tại vị của Sadat, xem Beattie (2000) và Heikal (1983).

Nội vụ và lực lượng tình báo - vốn thường dùng tra tấn và các hình thức vi phạm quyền con người khác làm công cụ cai trị. Năm 2010, nhiều nguồn tin khác nhau cho thấy số lượng tù nhân chính trị ở Ai Cập nằm trong khoảng 15 nghìn đến 30 nghìn người.

Cũng như nhiều nhà độc tài khác, ông Mubarak ngày càng độc đoán, tự phụ và hoang tưởng, nghĩ rằng mình là người duy nhất có thể lãnh đạo Ai Cập. Ngay cả việc bổ nhiệm một phó tổng thống cũng làm ông thấy mất sĩ diện và bất an. Khi sửa đổi Hiến pháp 1971, ông đã liên tục tự trao cho mình quyền năng của người phát xét duy nhất đối với nền chính trị Ai Cập.²

Mọi chống đối về chính trị, dù dưới hình thức thế tục hay tôn giáo, đều bị trấn áp, và ông đã cảnh báo công chúng cũng như cộng đồng quốc tế rằng thế lực thay thế cho chế độ của ông có thể sẽ là những người theo chính trị Hồi giáo, dẫn đầu bởi tổ chức đối lập lâu đời nhất và bị cấm hoạt động là phong trào Huynh đệ Hồi giáo (để biết thêm về Huynh đệ Hồi giáo, xem Mitchell 1993; Pargeter 2011; Rubin 2010). Các cuộc bầu cử tổng thống và nghị viện mà ông tổ chức chỉ là hình thức vì Mubarak là ứng cử viên tổng thống duy nhất. Một hệ thống bầu cử nhiều khiếm khuyết giúp Đảng Dân tộc Dân chủ cầm quyền của ông tuyên bố chiến thắng áp đảo, hết lần này đến lần khác. Về tổng thể, Ai Cập đã biến thành một quốc gia độc đảng (xem Amin Saikal 2003: 117-119). Đảng Wafd theo tư tưởng dân tộc chủ nghĩa thế tục, lực lượng chính trị theo đường lối tự do nổi tiếng nhất trong khoảng thời gian giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới, đã suy yếu dần từ năm 1951, và ông Mubarak đã khống chế khiến ảnh hưởng của đảng này không còn đáng kể (về đảng Wafd, xem thêm Deeb 1979). Tổ chức Huynh đệ Hồi giáo được thành lập năm 1928 là đối tượng của một chiến dịch có hệ thống nhằm miêu tả họ là mối đe dọa Hồi giáo chính với Ai Cập và các nước khác. Cảm thấy Huynh đệ Hồi giáo ngày càng nguy hiểm vì thanh thế đang lên và sức mạnh có tổ chức của họ, Mubarak để các lực lượng an ninh của mình mặc sức nhắm vào tổ chức này, thường xuyên bắt giam và sách nhiễu các lãnh đạo và các thành viên của họ. Bất chấp điều đó, từ năm 1984 tổ chức này vẫn cử được các ứng viên "độc lập" trong các cuộc bầu cử nghị viện, với chiến tích quan trọng trong cuộc bầu cử năm 2005 khi họ giành 88 ghế trong tổng số 518 ghế. Tuy nhiên, ở cuộc bầu cử nghị viện năm 2010, bằng đe dọa và gian lận, chính phủ đã bảo đảm rằng Huynh đệ Hồi giáo sẽ không giành được dù chỉ 1 ghế. Cuộc bầu cử ấy đã bị quốc tế chỉ trích rộng khắp (xem Mohammed 2010).

² Ông Mubarak có lẽ ghi nhớ thực tế rằng ông Bourguiba ở Tunisia - nhà lãnh đạo Ả-rập cuối cùng chọn đích danh người kế nhiệm mình là ông Ben Ali - đã bị chính người kế nhiệm ấy phế truất.

Thành tích của Mubarak trên mặt trận kinh tế và xã hội mang tính pha trộn và không thể giúp biện minh cho việc quản trị bằng quả đấm thép. Các chính sách của ông phục vụ nhóm người giàu, giới tham ô cầm quyền và cả giới trung lưu yếu thế nhưng ngày càng gia tăng về số lượng. Tuy nhiên tình cảnh của đa số dân nghèo Ai Cập không được cải thiện. Sau khi theo đuổi chính sách tập trung hóa tương tự như thời Nasser trong suốt những năm 1980, từ năm 1991 ông đã áp dụng những cải cách được đỡ đầu bởi Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và cộng đồng thế giới, nhằm thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI), đồng thời tăng tốc thực hiện chính sách này từ năm 2004 (về nền kinh tế Ai Cập, xem thêm Khayr al-Din 2008). Điều này đã tạo ra một giai đoạn phát triển kinh tế đầy hứa hẹn, gắn liền với những đổi thay và nhận thức sâu rộng hơn của xã hội. Giai đoạn 2006-2010, GDP của Ai Cập tăng từ 107 tỷ lên 217 tỷ USD, và thu nhập bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương (PPP) tăng từ 4679 USD lên 5 862 USD (Economic Intelligence Unit 2011). Tuy nhiên, bản chất cùng những bất thường cố hữu của nền cai trị của Mubarak, bao gồm việc ưu tiên các doanh nghiệp lớn và tư nhân hóa hơn quyền lợi của công nhân, khiến cho phát triển kinh tế chủ yếu làm lợi cho ông Mubarak và giới tinh hoa cai trị - những người sở hữu hầu hết tài sản quốc gia. Phát triển kinh tế xã hội và phân bổ của cải không thỏa mãn tầng lớp trung lưu và không giúp tầng lớp nghèo - ở các khu ổ chuột tại các thành phố, đặc biệt là Cairo, hay ở các vùng quê - thoát khỏi túng bần. Đồng thời, Ai Cập nhập siêu lớn và nợ nước ngoài tăng từ 20% đến 30% GDP, tức khoảng 33 tỷ USD trong năm 2010 (Economic Intelligence Unit 2011). Từ năm 2008, Ai Cập cũng chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu khiến hoạt động của khu vực công và tư nhân bị thu hẹp tới mức đáng lo ngại.

Năm 2009, tỷ lệ tăng trưởng GDP của Ai Cập giảm từ 7% năm 2008 xuống còn 5%, FDI giảm 40%, tỷ lệ thất nghiệp ước tính là 30% và lạm phát cỡ 30%, mặc dù số liệu thống kê nhà nước vẽ ra một bức tranh khác hẳn.³ Tăng trưởng kinh tế và năng xuất lao động của quốc gia đơn giản là không theo kịp đà tăng dân số tăng nhanh của Ai Cập, từ cỡ 50 triệu hồi đầu những năm 1980 lên đến hơn 83 triệu vào năm 2010. Từ năm 2005 đến năm 2010, tỷ lệ người Ai Cập coi mình là "phát đạt", với cái nhìn lạc quan về tình cảnh hiện tại và về tương lai, đã giảm từ 29% xuống còn 11% (Clifton và Morales 2011).

Một hậu quả của sự gia tăng nhanh dân số là những thay đổi lớn về nhân khẩu. Ngày nay, khoảng 70% dân số Ai Cập là dưới 30 tuổi (xem Amer 2009).

³ Để biết thêm ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đối với Ai Cập và các chính sách gần đây của nước này, xem American Chamber of Commerce in Egypt (2010) và Bowker (2010).

Ngày càng nhiều người tốt nghiệp phổ thông trung học hay đại học trong khi không đủ cơ hội có việc làm phù hợp cho họ cũng như không đủ những cái van an toàn dân chủ như được tham gia nhiều hơn vào các hoạt động của đất nước để giúp họ khỏi cảm thấy tuyệt vọng và xa cách với chính quyền Mubarak (về giới trẻ Ai Cập, xem Assaad 2008; Bowker 2010: Chương 3). Mubarak dường như phớt lờ mâu thuẫn đang lên giữa kẻ cai trị với người bị trị và giữa nhà nước với xã hội. Trong mắt đa số công chúng Ai Cập, ông dường như chỉ quan tâm đến chính mình, gia đình mình và bộ máy cai trị của mình, nhằm đưa con trai là Gamal lên kế tục mình, cũng như để bảo tồn những đặc tính xấu xa nhất của triều đại mình và biến Ai Cập thành một nền cộng hòa gia đình trị.

Trong chính sách ngoại giao, ông cũng không được nhiều người Ai Cập ủng hộ. Ông kiên quyết bảo vệ Hiệp định hòa bình của Ai Cập với Israel, và tăng cường các mối quan hệ của quốc gia bằng cách trở thành một đồng minh chung thủy với Mỹ; ông coi cả hai vấn đề này là cứu cánh quan trọng cho nền cai trị của mình. Hòa bình với Israel không chỉ nhằm tránh những cuộc xung đột tốn kém mà còn giúp có thêm hậu thuẫn về tài chính và quân sự từ Mỹ. Viện trợ của Mỹ mỗi năm xấp xỉ 1,3 tỷ USD có vai trò quan trọng giúp ông duy trì sự hài lòng của các sĩ quan quân sự và an ninh cũng như các nhân sự quản lý chủ chốt. Ông công khai ủng hộ quyền có nhà nước độc lập của người Palestine và phản đối việc mở rộng các khu định cư của Israel tại các vùng đất của Palestine đã bị họ chiếm đóng. Tuy nhiên, ông cân bằng quan điểm này bằng chính sách âm thầm, hỗ trợ Israel dùng chính quyền Palestine do Fatah dẫn đầu - vốn quản lý khu Bờ Tây - chống lại tổ chức Hồi giáo Hamas vốn kiểm soát Dải Gaza từ giữa năm 2007. Ông cũng giúp Israel thực hiện việc phong tỏa phi pháp Gaza, gây thiệt hại cho toàn thể 1,5 triệu người dân ở đó, để làm suy yếu chính quyền Hamas - lực lượng bị Israel và bộ phận quốc tế ủng hộ Israel lên án là một "tổ chức khủng bố" (về Hamas, xem Milton-Edwards và Farrell 2010; Tamini 2007). Ông vẫn phớt lờ thực tế rằng Hamas đã chiến thắng trong cuộc tổng tuyển cử dân chủ của Palestine vào tháng 01/2006. Hơn thế nữa, ông tán thành việc Washington và Luân-đôn trợ giúp chiến dịch quân sự của Israel năm 2006 chống lại Li-băng nhằm đập tan tổ chức Hezbollah do Iran và Syria hậu thuẫn, nhưng cuối cùng không thành công.⁴ Mubarak đương nhiên phản đối cuộc xâm lược Iraq năm 2003 do Mỹ dẫn đầu, nhưng lại phối hợp với chính quyền Bush trong việc hành hạ và tra tấn. Nói chung ông cùng phe với lực lượng Ả-rập bảo thủ và hạ thấp chính sách của Nasser về chủ nghĩa dân tộc Ả-rập, thậm chí còn hạ thấp hơn so với những gì Sadat đã làm.

⁴ Để biết thêm về Hezbollah, xem Norton (2007) và Noe (2007).

Dẫu vậy, sau tất cả những gì đã làm Mubarak không thu được kết quả khả thi và ổn định gì về vấn đề Palestine. Ông không thể đẩy Israel lùi về biên giới trước năm 1967 của họ để tạo điều kiện hình thành nhà nước Palestine độc lập với thủ đô là Đông-Jerusalem. Điều này khiến ông rất dễ bị những người Ai Cập và Ả-rập trong vùng cho là thân Israel và thân Mỹ chỉ để duy trì quyền lực của mình, hơn là vì bất kỳ mục đích nào khác. Theo các cuộc khảo sát ý kiến công chúng khác nhau, phần đông giới trẻ Ai Cập ngày càng cho rằng chính sách của ông là tai hại, và khá đông người cao tuổi Ai Cập cảm thấy nhục nhã vì đất nước họ đã đánh mất phẩm vị trí lãnh đạo thế giới Ả-rập mà Ai Cập từng có (xem Dowik 2001; Makar 2007). Họ cũng ngày càng lo lắng trước thực tế rằng 3 nhà nước phi-Ả-rập là Israel, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ trở nên có ảnh hưởng hơn Ai Cập trong việc định hình chính trị tại khu vực. Bị tước đoạt quyền bầu cử (thực sự), bị đàn áp và bị bỏ rơi bởi các chính sách của ông Mubarak, tất cả những gì mà nhân dân Ai Cập cần bây giờ chỉ là một cú hích.

Cú hích ấy đã đến sớm, dưới hình thức là các cuộc phản kháng và biểu tình ở Tunisia sau vụ tự thiêu ngày 17/12/2010 của Mohammed Bouazizi - một người bán hoa quả bất mãn với chính phủ. Ngày 14/01/2011, tổng thống Tunisia Zine El Abidine Ben Ali đã bỏ chạy khỏi đất nước và ông Arm Musa - Chủ tịch Liên đoàn Ả-rập, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Ai Cập - đã thốt lên rằng "tinh thần Ả-rập đã vỡ". Tại Diễn đàn Kinh tế Ả-rập diễn ra ở Ai Cập, ông Musa đã đổ lỗi cho "nghèo đói, thất nghiệp và suy thoái kinh tế". Ông khẳng định rằng "cuộc cách mạng ở Tunisia không xa chúng ta" và cảnh báo rằng "các công dân Ả-rập đang giận dữ và tuyệt vọng chưa từng thấy", rằng vấn đề chỉ có thể giải quyết được bởi một "cuộc phục hưng" Ả-rập (xem Slackman and El-Naggar 2011). Ông đặt vấn đề rất kịp thời, ngoại trừ với tư cách là một nhà ngoại giao lão luyện ông tránh nhận xét rằng áp bức chính trị và tham nhũng là nguyên nhân chính sâu xa, điều mà hầu hết các nhà lãnh đạo ngòai đó phải chịu trách nhiệm. Ông già 82 tuổi Mubarak cũng ngòai đó với các nguyên thủ khác, nhưng ông tự tin về nền cai trị của mình đến mức không đề cập tới cuộc cách mạng ở Tunisia, chứ đừng nói là hiểu thông điệp của ông Musa.

Không lâu sau, khi 18 ngày nổi dậy tự phát của quần chúng chưa từng thấy trong lịch sử Ai Cập trôi qua, Mubarak biết rằng mình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc vào ngày 11/02/2011 phải trao lại quyền lực cho Bộ Tư lệnh các Lực lượng Vũ trang - do vị Bộ trưởng Quốc phòng cao niên và đã phục vụ lâu năm của mình là Tổng tư lệnh Mohamed Hussein Tantawi nắm giữ, để điều hành sự quá độ của Ai Cập sang dân chủ. Như vậy, nền cai trị của Mubarak - vốn mang lại cho Ai Cập gần 30 năm hòa bình và an ninh, nhưng đổi lại không có những cải cách dân

chủ, phát triển kinh tế-xã hội công bằng và một chính sách ngoại giao năng động - đã kết thúc đột ngột và gần như nằm ngoài mọi dự báo.

Mubarak ra đi cùng một cách với hai nhà độc tài được phương Tây hậu thuẫn trước đó ở Trung Đông: Ben Ali ở Tunisia và quốc vương Mohammad Reza Shah Pahlavi ở Iran. Có một số tương đồng nhất định giữa cuộc cách mạng 1978-1979 ở Iran và cuộc nổi dậy ở Ai Cập. Cũng như cuộc cách mạng ở Iran, hiện tượng ở Ai Cập đã nổ ra tự phát mà không có bất kỳ cá nhân hay tổ chức cụ thể nào dẫn đầu, và nhằm vào một kẻ cai trị được phương Tây hậu thuẫn, người có sự lãnh đạo chuyên quyền và hành vi chính sách tạo ra những điều kiện mà người dân không thể chịu đựng được nữa. Người dân Iran đã mất 25 năm huy động sức mạnh chống lại quốc vương Shah kể từ khi ông lên ngôi nhờ Cục Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) vào năm 1953 (xem Saikal 2009: trang 44-45), và điều tương tự ít nhiều cũng đúng với người Ai Cập.

Người dân Ai Cập giờ đây phải đối mặt những lựa chọn và ưu tiên khó khăn, phải vật lộn với hàng loạt biến động khó lường, bao gồm việc quân đội có muốn và có thể góp sức cho một cuộc chuyển giao êm thấm hay không, khi mà trong lịch sử quân đội hiếm khi là tác nhân thay đổi dân chủ. Quá trình này có lẽ đầy trắc trở, khó khăn và đau đớn, nhưng kết quả cuối cùng có lẽ sẽ là một trật tự mới cởi mở và đa nguyên, cùng tác động to lớn đến bức tranh địa-chính trị Trung Đông. Liệu nhân dân Ai Cập và những người Ả-rập đồng cảnh với họ có thể dựng lại tinh thần Ả-rập và góp tiếng nói quan trọng mà họ xứng đáng có được nhằm định hình đời sống chính trị của mình theo các con đường dân chủ hay không?

Các triển vọng dân chủ

Cũng như quốc vương Iran, ông Mubarak để lại một Ai Cập không có truyền thống dân chủ và không có các nền tảng thể chế và quy trình cần thiết - chẳng hạn một khung pháp lý thích hợp, sự thượng tôn pháp luật, sự phân chia quyền lực, tư pháp độc lập, xã hội dân sự sôi động, những cam kết được Hiến định và sự tôn trọng thiểu số - những yếu tố giúp đơn giản hóa quá trình chuyển tiếp sang một nền dân chủ. Trong tình thế như vậy, luôn có một nguy cơ hình thành khoảng trống quyền lực mà một nhóm người được tổ chức tốt, với hệ tư tưởng phù hợp với xã hội và văn hóa, có thể lấp vào và lái cuộc cách mạng trệch khỏi mục tiêu ban đầu. Đây là những gì đã xảy ra ở Iran, giúp một Ayatollah Rohullah Khomeini đầy sức hút, nổi tiếng và khôn khéo về chính trị cùng với những trợ thủ của mình giành được vị thế lãnh đạo cuộc cách mạng từ giữa năm 1978 và lái nó từ một cuộc cách mạng chống nền quân chủ nhằm mưu cầu tự do và các quyền dân chủ thành một cuộc cách

mạng Hồi giáo nhằm thiết lập một trật tự thần quyền có chủ trương chống-Mỹ và chống-Israel. Khomeini đã lợi dụng sự giận dữ của nhân dân Iran đối với sự ủng hộ mà Mỹ dành cho quốc vương Pahlavi, quan hệ mật thiết của quốc vương này với Israel, và sự hậu thuẫn không hạn chế của Mỹ dành cho Israel, để đạt được các mục tiêu Hồi giáo của mình. Sai lầm của Washington khi không đoạn giao với chính quyền Pahlavi trước khi quá muộn và không hỗ trợ các lực lượng dân chủ vốn đã dẫn dắt cuộc cách mạng ngay từ đầu, đã góp phần quan trọng giúp Khomeini và những trợ thủ của ông giành chiến thắng, đồng thời gieo mầm thù địch giữa Mỹ và Iran vốn dai dẳng cho tới nay, gây cho Washington và Jerusalem nhiều bất an (về cuộc cách mạng Iran và những hệ quả của nó, xem thêm Saikal 2009: trang xix-xxxvii).

Tương tự, cuộc cách mạng ở Ai Cập dễ bị tiếp quản bởi một tổ chức cụ thể như trường hợp cuộc cách mạng ở Iran, đặc biệt là nếu Ai Cập vẫn bế tắc chính trị và quá trình chuyển tiếp không được thực hiện một cách có trách nhiệm và hiệu quả. Tổ chức Huynh đệ Hồi giáo, thường được quảng bá như là phong trào được tổ chức tốt nhất và nổi tiếng nhất, có khả năng lợi dụng tình trạng hỗn độn hiện nay. Tuy nhiên Huynh đệ Hồi giáo không có vị thế thuận lợi như tổ chức chính trị hồi giáo của Khomeini đã có ở Iran. Mặc dù được chính quyền Mubarak hết sức đề cao, tổ chức này vẫn bị chia rẽ. Họ là tập hợp của nhiều bộ phận người người theo tư tưởng chính trị Hồi giáo, từ cấp tiến cho tới thực dụng-bảo thủ và ôn hòa, nhưng hai bộ phận sau chiếm đa số (xem Brown 2011). Vì thế họ không có một người lãnh đạo đầy sức hút và nổi tiếng như Khomeini để tập hợp thành một tập thể đoàn kết. Do thiếu số liệu đáng tin cậy, có một ước đoán cho rằng số lượng thành viên cơ bản của họ là 100 nghìn, dù con số 200 nghìn có vẻ hợp lý hơn, và tổ chức này có khả năng giành được 30% phiếu bầu trong một cuộc bầu cử tự do và công bằng (xem Pargeter 2011; Rubin 2010).

Mặc dù có một số khác biệt về tư tưởng và hành động giữa tổ chức Huynh đệ Hồi giáo, bây giờ được đại diện bởi Đảng Tự do và Công lý, với nhóm Salafi, vốn gần đây đã lập đảng Nour, nhưng cả hai đều là những nhóm chính trị Hồi giáo, cổ súy chính trị Hồi giáo làm nền tảng cho sự chuyển đổi của Ai Cập. Theo một kết quả khảo sát ý kiến công chúng của Aljazeera đưa ra ngày 07/07/2011, 47% số người bầu chọn đã ưu tiên tổ chức Huynh đệ Hồi giáo, 27% khác ủng hộ nhóm Salafi (xem IkhanWeb 2011). Nếu tình hình cho phép, một số người trong phe Salafi có thể muốn liên minh với Huynh đệ Hồi giáo để Huynh đệ Hồi giáo giành chiến thắng trong cuộc bầu cử nghị viện vào tháng 11/2011 và tạo thành chính phủ cầm quyền đứng đầu bởi một thủ tướng thuộc hàng ngũ của họ hoặc phụ thuộc vào họ. Cho tới nay, Huynh đệ Hồi giáo đã phủ nhận ý định cử ứng viên tham gia

cuộc bầu cử tổng thống. Nhưng điều này không có nghĩa là họ sẽ không hậu thuẫn các ứng cử viên mà họ thích. Nếu Huynh đệ Hồi giáo và Salafi vẫn tiếp tục đà phát triển hiện nay thì các lực lượng thế tục ủng hộ dân chủ vốn lãnh đạo cuộc cách mạng có lẽ khó mà giành thắng lợi trước họ, bởi các lực lượng này thiếu sức mạnh có tổ chức cần thiết và thiếu sức hút quần chúng.

Tuy nhiên, nếu Huynh đệ Hồi giáo có thể thắng cử, thì có vẻ như họ không thể hoặc không muốn đưa Ai Cập vào con đường trật tự thần quyền - tương tự những gì đã diễn ra tại Iran. Với tư cách là đảng lâu đời nhất, thành lập năm 1928, họ đã học được từ trải nghiệm cay đắng rằng nếu không duy trì được sự ủng hộ của quần chúng đối với các chính sách của mình thì họ có ít cơ hội nắm quyền lâu dài. Giới lãnh đạo chủ chốt của đảng dường như vừa thay đổi chủ trương sang mưu cầu những mục tiêu và những ưu tiên chính sách thực tiễn theo hướng trung-hữu. Họ phải đối mặt với một Ai Cập mới, nơi mà địa hạt chính trị vừa mở ra cho chủ nghĩa đa nguyên chính trị, vừa phải hoạt động dưới những ràng buộc mà sự phát triển như thế mang lại. Chính trị Ai Cập giờ đây được tạo thành bởi các luồng tư tưởng và chính trị khác nhau, với giới trẻ có nhận thức chính trị cao hơn và gắn kết chưa từng thấy. Ngoài ra, cần chú ý rằng từ 10% đến 15% dân số là những người Thiên chúa Coptic, nhiều người trong số này ủng hộ các cuộc phản kháng của quần chúng chống lại Mubarak, và là những người sẽ không chấp nhận một trật tự chính trị Hồi giáo do Huynh đệ Hồi giáo dẫn đầu. Cũng không thể bỏ qua thực tế rằng giới lãnh đạo quân đội của Ai Cập ủng hộ thế tục và có quan hệ mật thiết với Mỹ.

Hội đồng Quân sự, vốn đã quản lý tốt Ai Cập từ khi Mubarak ra đi, được dự đoán sẽ điều hành giai đoạn chuyển tiếp ở Ai Cập theo hướng đưa tới một trật tự đa nguyên và cởi mở, cũng như duy trì vai trò trọng yếu xướng tầm của quân đội trong đời sống chính trị vốn có từ cuộc đảo chính năm 1952 ở Ai Cập. Nasser đã hứa hẹn một nền dân chủ đúng nghĩa; hai người kế nhiệm ông - Sadat và Mubarak - cũng vậy, nhưng không ai mang nền dân chủ ấy tới. Theo những mức độ khác nhau, họ đều cai trị chủ yếu bằng các lực lượng an ninh và quân đội. Ai Cập có một trong những đội quân thường trực lớn nhất và được trang bị tốt nhất (về quân đội Ai Cập hiện đại, xem thêm Frisch 2001). Đội quân này bao gồm nửa triệu sỹ quan - binh lính và hưởng lợi lớn từ viện trợ hàng năm của Mỹ cho Ai Cập. Quân đội không chỉ là một cỗ máy chiến tranh mà còn góp phần quan trọng trong đời sống công nghiệp và kinh tế quốc gia. Các học giả đánh giá đóng góp của quân đội Ai Cập vào nền kinh tế nước này từ 5% đến 30% (xem Simpson và Fam 2011). Về mặt này nó là một tổng công ty - giống như quân đội Pakistan vốn trực tiếp hoặc gián tiếp (qua các tổ chức dân sự) cai trị đất nước gần như suốt chiều dài lịch sử từ khi giành độc lập năm 1947.

Vai trò của quân đội trong sự sụp đổ của ông Mubarak chắc chắn có tính hai mặt. Một mặt, họ thể hiện một sự đồng cảm nhất định với những người phản kháng và không ngăn chặn họ bằng vũ lực. Mặt khác, họ vẫn trung thành với nhà nước và chỉ kết thúc tình trạng khẩn cấp nếu những người phản kháng trở về nhà và tình hình trở lại bình thường. Từ khi tiếp quản quyền lực, quân đội đã đáp ứng một số đòi hỏi của quần chúng. Họ xây dựng một chính phủ quá độ dân sự rộng mở, lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, tiến hành trưng cầu dân ý vào ngày 19/03/2011 đối với dự thảo Hiến pháp (trong đó có nội dung hạn chế nhiệm kỳ tổng thống xuống còn 2 nhiệm kỳ 4 năm) và giải tán nghị viện, nhận trách nhiệm duy trì các cuộc bầu cử Nghị viện dân chủ vào tháng 11/2011. Họ đã cho phép truy tố và tổng giam một số bộ trưởng của ông Mubarak, trong đó có Bộ trưởng Nội vụ, vì tham ô và lạm quyền. Quan trọng hơn cả là họ đồng ý để Mubarak cùng hai con trai của ông bị bắt giam và xét xử, cũng như đóng băng khối tài sản khổng lồ của họ ở trong và ngoài nước. Sự xuất hiện của Mubarak tại tòa với cáo buộc lạm quyền (trong đó có cáo buộc phải chịu trách nhiệm về việc giết hơn 800 người biểu tình dẫn đến sự ra đi của ông) vào ngày 03/08/2011 đã đánh dấu một thời khắc bước ngoặt cho quá trình chuyển đổi ở Ai Cập. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Ai Cập và Ả-rập mà một kẻ cai trị bị công khai xét xử và lăng nhục bởi chính người dân của mình.

Đồng thời, những hành động vì nhân dân của quân đội vẫn bị tùy tiện chen ngang bởi một sự tự phụ và lạm quyền nhất định. Cung cách làm việc của họ từ khi tiếp quản điều hành đất nước đã dẫn đến việc đe dọa, tổng giam và tra tấn các nhà hoạt động dân chủ, một số người trong đó vẫn bị giam giữ vô cớ. Họ liên tục cảnh báo những người phản kháng bất hợp pháp và bãi công, cũng như dùng vũ lực giải tán họ. Quân đội bị cáo buộc vi phạm nghiêm trọng các quyền con người với xác nhận và chứng cứ thu thập được từ các nguồn đáng tin cậy như Tổ chức Theo dõi Nhân quyền (Human Rights Watch 2011).

Phần đông người Ai Cập đến giờ vẫn nhìn quân đội bằng ánh mắt nghi ngờ, chưa rõ quân đội có kinh nghiệm chính trị cần thiết và có cân nhắc lợi ích hợp lý hay không để sớm thực thi lời hứa đáp lại nguyện vọng của nhân dân. Yếu tố làm giảm mâu thuẫn giữa công chúng với những hành động sai trái của quân đội là sự cân nhắc của quân đội để tránh đối đầu toàn diện với những người dân vốn vừa đưa họ lên nắm quyền. Điều này, cùng với bằng chứng cho thấy sự ủng hộ đang lên của công chúng dành cho các nhóm chính trị Hồi giáo, có lẽ khiến các lãnh đạo quân đội chỉ còn một lựa chọn khả dĩ: gắn kết tính liêm khiết và ổn định của quân đội với những đặc tính tượng tự của nhân dân Ai Cập, qua đó bảo đảm một sự chuyển tiếp tới trật tự đa nguyên. Bất chấp việc theo đạo Hồi và đồng cảm to lớn

với các lực lượng chính trị Hồi giáo, phần lớn người dân Ai Cập tất yếu sẽ quay lưng với chính thể nào coi thường tự do và các quyền dân chủ của họ, với khát khao cháy bỏng về một sự phát triển kinh tế và xã hội cũng như đối sách ngoại giao có thể phục hồi vị thế của họ trong quá trình định hình tương lai Ai Cập.

Hiện nay không có một cá nhân nào đủ danh tiếng trong nước để dẫn dắt cuộc chuyển biến dân chủ của Ai Cập với tư cách là một nhà lãnh đạo được dân cử. Tuy nhiên phải nhấn mạnh rằng Ai Cập chẳng cần thay đổi lãnh đạo mà cần thay đổi hệ thống từ quá khứ độc tài sang tương lai dân chủ. Nếu không như vậy thì lại khiến đất nước rơi vào tình trạng bế tắc mà nhân dân đã phải chịu đựng suốt một thời gian dài. Thời của những kẻ "cầm quyền suốt đời" vốn thống trị lịch sử Ai Cập nay đã qua. Xã hội đang phát triển dưới tác động đang lên của thế hệ được thông tin đầy đủ và kết nối qua mạng xã hội có thể chống lại kiểu thao túng khiến cho nhân dân Ai Cập dễ bị tổn thương trước những kẻ cai trị họ. Cuộc cách mạng của họ phải xây dựng một trật tự chính trị rất khác với những gì Ai Cập đã trải qua từ năm 1952. Để trật tự mới ấy vận hành, nó phải đa nguyên, cởi mở và hợp lòng dân.

Những hệ quả xa hơn

Ai Cập là một đất nước Ả-rập trọng yếu. Nó là quốc gia đông dân nhất và có số người được giáo dục nhiều nhất, một nền tảng công nghiệp và kỹ thuật mạnh, cùng một sức mạnh quân sự đáng gờm. Những gì xảy ra ở Ai Cập có thể tác động tới các nước Ả-rập lớn hơn so với hình dung ban đầu. Không thể kỳ vọng Ai Cập theo đuổi những mục tiêu và những ưu tiên trong chính sách ngoại giao như trước đây. Sau quá nhiều bất bình của công chúng về mối quan hệ của Mubarak với Israel và Mỹ, chính phủ mới của Ai Cập có lẽ phải ngay lập tức điều chỉnh các quan hệ này sao cho hợp lý để thỏa mãn các lực lượng chính trị khác nhau, bao gồm tổ chức Huynh đệ Hồi giáo vốn đã phản đối Hiệp định hòa bình của Ai Cập với Israel và lên tiếng phản đối mối quan hệ mật thiết với Mỹ. Một kết quả khảo sát ý kiến công chúng đáng tin cậy, được công bố ngày 25/04/2011 bởi Pew Global Research, cho thấy 54% người dân Ai Cập muốn hủy bỏ Hiệp ước hòa bình Ai Cập-Israel năm 1979 và một tỷ lệ cao cũng kêu gọi giáng cấp quan hệ của Ai Cập với Mỹ (xem Pew Research Center 2011). Những biến động ở Ai Cập đã lan tỏa khắp thế giới Ả-rập, mang theo cảm hứng thay đổi trật tự địa-chính trị ở khu vực.

Những biến động tại Ai Cập làm gia tăng chưa từng thấy những mâu thuẫn giữa tôn giáo với thế tục tại các nước Ả-rập và mở ra các cơ hội mới cho các lực lượng vốn không còn thấy tình hình đất nước mình là chấp nhận được. Chúng đưa

cơ giới cải cách dân chủ và đòi sự tự quyết đúng nghĩa cuốn qua thế giới Ả-rập, từ Bahrain tới Syria tới Yemen rồi tới Lybia - nơi mà hệ quả là những cuộc chiến đẫm máu giữa chế độ và người dân.

Cuộc khủng hoảng tại Bahrain còn ít nhiều có tính chất bè phái, với nền quân chủ cai trị của người Sunni thiểu số đối với người Shi'ite đa số, đã dẫn tới sự can thiệp quân sự của Ả-rập Xê-út trong khuôn khổ của Hội đồng hợp tác vùng Vịnh (GCC).⁵ Quốc vương Ả-rập Xê-út, với tư cách là một đồng minh rất thân cận của Mỹ từ năm 1945, đã rất thất vọng với Washington vì không hậu thuẫn một đồng minh đáng tin cậy khác của Mỹ là ông Mubarak lúc cần, và coi sự thay đổi chế độ ở Bahrain là mối đe dọa sự ổn định của Ả-rập Xê-út cũng như của các đối tác khác trong GCC (về quan hệ Mỹ- Ả-rập Xê-út, xem thêm Hart 1998). Sự can thiệp của Ả-rập Xê-út vào Bahrain, có lẽ đã được Mỹ chấp thuận, là thách thức trực tiếp đối với Iran, nơi chế độ Hồi giáo dòng Shi'ite và một số giáo sĩ cầm quyền thỉnh thoảng cứ nhắc lại rằng Bahrain từng thuộc về Iran.

Tất nhiên xung đột quân sự Ả-rập Xê-út - Iran rất khó xảy ra. Lý do chính là chế độ Hồi giáo của người Shi'ite ở Iran một mặt phải giải quyết các vấn đề đối nội quan trọng và mặt khác muốn duy trì quyền lực mà họ có được tại khu vực (chủ yếu do sai lầm chính sách của Mỹ qua nhiều năm ở Iraq, Afghanistan và Li-băng) bằng cách liên minh với các khối quốc gia nhỏ khác nhau và hợp tác chiến lược với Syria. Đồng thời, những nhà đấu tranh dân chủ trường kỳ tại Syria thuộc dòng Hồi giáo Sunni chiếm phần đa dân số chống lại chính phủ do người Alawite thiểu số thống trị gây nhiều lo ngại cho chế độ Iran. Quan hệ mật thiết của Iran với đồng minh Ả-rập duy nhất có vai trò rất quan trọng trong việc giúp Iran hậu thuẫn lực lượng Hezbollah vũ trang dòng Shi'ite ở Li-băng và các lực lượng dòng Shi'ite cấp tiến khác nhau ở Iraq, quan trọng nhất là nhóm của Muqtada al-Sadr, qua đó tăng cường chống Mỹ và các đồng minh trong khu vực của Mỹ, đặc biệt là Israel (về quan hệ Syria-Iran, xem Goodarzi 2006). Việc Tehran vì lợi ích của mình mà làm bất cứ điều gì để duy trì chế độ Bashar al-Assad ở Syria đã làm phiền không chỉ Mỹ và Israel mà còn nhiều nước Ả-rập - dẫn đầu bởi Ả-rập Xê-út. Mặc dù vậy, không thể loại bỏ khả năng gia tăng chiến tranh gián tiếp giữa hai đối thủ chính ở khu vực là Ả-rập Xê-út và Iran. Dự đoán cả hai bên sẽ tăng cường hậu thuẫn các nhóm dòng Shi'ite và dòng Sunni khác nhau ở bất cứ nơi nào có thể tại khu vực.

Với Lybia, cuộc đấu tranh chống đại tá Mu'mmar al-Qadhafi trở nên bạo lực và đẫm máu hơn bất kỳ đâu. Nhà độc tài Lybia đã học được từ sự sụp đổ tương đối

⁵ GCC được thành lập năm 1981 như một khối liên minh chủ yếu nhằm chống lại Iran. Các thành viên của nó gồm Bahrain, Kuwait, Oman, Qatar, Ả-rập Xê-út và Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất.

dễ dàng của Ben Ali và Mubarak là không được phép đầu hàng áp lực của công chúng. Điều này đã kéo dài cuộc chiến của phe chống đối, cũng như chiến dịch không kích của NATO do Mỹ và Liên Hợp Quốc hậu thuẫn và các biện pháp khác hỗ trợ họ trong 6 tháng - cho tới trận đánh cuối cùng vào thủ đô Tripoli hồi cuối tháng 08/2011. Tuy nhiên thế lực của Gadhafi và hai con trai ông vẫn còn và tương lai Lybia vẫn rất khó dự đoán. Thành quả đấu tranh của Lybia cho tới nay phải trả một cái giá quá đắt mà người dân chưa chắc thu lại được trong vòng một thế hệ tới như trường hợp của Iraq sau cuộc xâm lược do Mỹ dẫn đầu vào đất nước này năm 2003.

Giờ đây, các nước Ả-rập khác ở vùng Vịnh có vẻ như không bị bất ổn như Bahrain. Với trữ lượng dầu lớn và dân số ít, họ có thể kiểm soát bất kỳ cuộc nổi dậy nào, đặc biệt với sự hiện diện an ninh và quân sự đáng kể của Mỹ. Ngay cả nền quân chủ Ả-rập Xê-út, đất nước giàu tài nguyên nhất và lớn nhất trong GCC, cũng có vẻ miễn dịch với các mối bất ổn lớn. Có 4 yếu tố thuận lợi cho chế độ của họ. Thứ nhất là nhờ kiểm soát được trữ lượng dầu, vua Abdullah - quốc vương Ả-rập Xê-út - có thể lập quỹ dự trữ quốc gia lên tới 500 tỷ USD và dùng nó bất cứ khi nào cần để mua chuộc sự ủng hộ của công chúng cũng như bịt miệng những người đã kích chế độ. Thứ hai là hoàng tộc Ả-rập Xê-út rất lớn với khoảng 7.000 công chúa và hoàng tử mà hầu hết có quyền lợi trong việc duy trì triều đại Ibn Saud. Nhiều người trong số các ông hoàng bà chúa này có thông gia là các lãnh đạo bộ tộc và có vị thế lớn trong đời sống kinh tế-văn hóa-xã hội của đất nước. Thứ ba là sự phân tán địa-chính trị của Ả-rập Xê-út. Hầu hết dân số Ả-rập Xê-út sống ở những trung tâm đô thị lớn, những trung tâm này cách nhau đủ xa để chế độ cách ly và dễ dàng dập tắt các cuộc nổi dậy lớn của quần chúng mà không gây kinh động nhiều tới quốc gia, như họ đã làm với cuộc nổi dậy ở Mecca năm 1979. Điều này không có nghĩa rằng người dân Ả-rập Xê-út không tiếp cận được truyền thông xã hội; họ có, nhưng chế độ được tổ chức tốt để có thể đóng cửa truyền thông xã hội khi cần. Thứ tư là sự hiện diện quân sự và dân sự mạnh của Mỹ ở vương quốc này. Mỹ không chỉ có lực lượng an ninh mạnh tại Ả-rập Xê-út, mà bộ máy quân sự và dân sự của Mỹ còn rất tích cực trong mọi lĩnh vực và mọi cấp độ ở đất nước này (về Ả-rập Xê-út, xem thêm Cordesman 2009; Niblock 2006).

Chế độ Hồi giáo tại Iran tỏ ra rất vững mạnh dù ở Iran đã có phản kháng công khai từ sau các cuộc bầu cử tổng thống gian lận vào tháng 06/2009 - trước các cuộc nổi dậy ở Ai Cập khá lâu. Iran có nền tảng dân tộc chủ nghĩa - tôn giáo tuy hạn chế song lại rất hiệu quả tại các trung tâm đô thị và các vùng quê, ở mọi tầng lớp, và có năng lực cưỡng bức đủ để chống lại lực lượng chống đối một cách mạnh tay. Điều này không có nghĩa rằng phong trào phản kháng Ả-rập không làm

gia tăng chống đối tại Iran. Trái lại, chúng tiếp thêm động lực cho phe đối lập, nhưng cũng như cách người Ả-rập đa số theo dòng Sunni chống lại việc nhân rộng mô hình quản lý và lãnh đạo thần quyền của người Shi'ite ở Iran, đa số nhân dân Iran chưa sẵn sàng chấp nhận hiện tượng (Mùa Xuân) Ả-rập.

Tuy nhiên, dù tương lai của mỗi nước trong khu vực là ra sao thì từ bây giờ không có kẻ chuyên quyền Ả-rập cũng như nhà thần quyền Iran nào có thể tự mãn về nền cai trị của mình mà lại không cải tổ nhằm lấp đầy hố ngăn cách giữa chính quyền và nhân dân. Có người cho rằng những người Hồi giáo dòng Shi'ite thường có khuynh hướng chống lại những kẻ cai trị hơn người Hồi giáo dòng Sunni vốn trong lịch sử cho thấy thuần phục chính quyền hơn. Các cuộc cách mạng ở Ai Cập và cả ở Tunisia đã chứng minh rằng không có khác biệt giữa dòng Shi'ite và dòng Sunni khi đa số nhân dân thấy tuyệt vọng và bị chính quyền bỏ rơi. Trong tình hình như vậy, nhiều nhà lãnh đạo khắp nơi đang phải đối phó với những vấn đề nghiêm trọng về tính chính danh, quản trị công và phát triển kinh tế-xã hội. Một số nước như Ma-rốc, Algeria, Oman và ở một mức độ nào đó là cả Jordan đã tuyên bố thực hiện các chương trình cải cách. Một số ít còn lại có vẻ buộc phải thay đổi theo chiều hướng tương tự để tồn tại. Kết quả có lẽ không phải là bản sao của một nền dân chủ phương Tây nào đó, mà bức tranh chính trị Trung Đông sẽ biến đổi theo cách này hay cách khác, mang lại những tác động quan trọng tới thế giới bên ngoài, đặc biệt là Mỹ và các đồng minh của họ - những tác động mà chúng ta không thể dự đoán đầy đủ ngay bây giờ.

Chính quyền Obama dường như vừa nhận ra tầm quan trọng của việc này và nhấn mạnh việc cải cách, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Ả-rập, "không lặp lại" những gì đã tồn tại trước cuộc khủng hoảng hiện nay, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp và khởi động "quá trình chuyển đổi có trật tự" (xem Malcolm 2011). Về điều này, Obama đã hành động tốt hơn cách chính quyền Carter đã làm với cuộc cách mạng tại Iran. Tuy nhiên thách thức ở đây là Washington và các đồng minh của họ có sẵn sàng đón nhận bất kỳ kết quả nào của những tiến trình dân chủ hay không, và rằng họ có ủng hộ những biến động tương tự bắt rễ tại mọi nước Ả-rập cũng như áp dụng nguyên tắc "trách nhiệm bảo vệ" của Liên Hợp Quốc để bảo vệ nhân dân Palestine đang sống dưới sự chiếm đóng của Israel hay không. Mỹ và các đồng minh của họ không có tiền sử tốt trong vấn đề này. Họ không thừa nhận kết quả các cuộc bầu cử dân chủ của Palestine vào tháng 01/2006 và về phe với Israel trừng phạt nhân dân Palestine cùng đảng Hồi giáo Hamas được người dân bầu chọn. Tháng 01/1991, họ lo sợ vì Mặt trận Cứu nguy Hồi giáo (ISF) có khả năng giành chiến thắng trong một cuộc bầu cử dân chủ ở Algeria. Được hậu thuẫn bởi Pháp và các lực lượng tự do trong nước, quân đội Algeria đã can thiệp, hủy bỏ cuộc

bầu cử, bắt giam nhiều lãnh đạo ISF và cấm đảng này hoạt động - một biến động mà Mỹ vẫn im lặng một cách khó hiểu. Điều đó khiến nhiều thành viên cấp tiến của ISF chuyển vào hoạt động bí mật và bắt đầu đấu tranh vũ trang, dẫn tới cuộc giết chóc kinh hoàng 100 nghìn người Algeria trong thập niên tiếp theo. Algeria vẫn còn choáng váng sau giai đoạn đó, nền an ninh và sự ổn định của nước này vẫn rất mong manh. Trong quá khứ, Mỹ và các đồng minh của họ vẫn ưu ái an ninh và sự ổn định dưới tay độc tài thủ cựu hơn là bởi nền dân chủ ở thế giới Ả-rập vì đó là hòn đá tảng giúp duy trì sự thống trị địa-chính trị của Mỹ tại khu vực. Liệu lần này họ có thể thay đổi đường lối và chấp nhận rủi ro đi kèm hay không?

Kết luận

Thế giới Ả-rập giờ đây là đối tượng của cuộc chiến gay gắt giữa 3 lực lượng muốn định hình vận mệnh của nó: chủ nghĩa đa nguyên theo hướng dân chủ, chủ nghĩa độc tài thế tục hay nửa-thế tục và Hồi giáo. Trong khi lực lượng thứ nhất dẫn dắt các cuộc phản kháng hiện nay nhằm mưu cầu những cải cách dân chủ về cấu trúc, lực lượng thứ hai không dễ dàng đầu hàng và lực lượng thứ ba tìm những cơ hội mới để mưu cầu vị thế chính trị. Một cuộc đấu tranh 3 bên như đã phân tích dường như là đặc điểm chủ đạo ở khu vực Ả-rập trong thời gian tới. Chúng ta không thể dự đoán được kết quả. Nhưng dù kết quả thế nào thì bức tranh chính trị Ả-rập cũng chuyển từ quá khứ độc tài sang tương lai nhiều khả năng là cải cách và đa nguyên về lâu dài. Những cuộc nổi dậy đã bắt đầu như một công việc riêng của người Ả-rập và đánh dấu một sự thức tỉnh mới cho nhân dân Ả-rập. Các thế lực bên ngoài cần công nhận điều này, và chuẩn bị tinh thần cho bất kỳ kết quả nào có thể xảy ra. Bất kỳ sự can thiệp nào từ bên ngoài nhằm tác động đến sự thức tỉnh Ả-rập này đều rất dễ phản-tác dụng. Nhân dân Ả-rập xứng đáng có quyền tự quyết đúng nghĩa.

Tài liệu tham khảo

Amer, Mona, 2009. 'The Egyptian youth labor market school to work transition, 1988-2006', in Ragui Assaad (ed.), *The Egyptian labor market revisited* (Cairo: American University in Cairo Press), pp. 177-218.

American Chamber of Commerce in Egypt, 2010. *The report: Egypt* (Oxford: Oxford Business Group).

- Assaad, Ragui, 2008. 'Unemployment and youth insertion in the labor market in Egypt', in Khayr al-Din (ed.), *Egyptian economy*, pp. 133-76.
- Beattie, Kirk J., 1994. *Egypt during the Nasser years: ideology, politics, and civil society* (Boulder: Westview Press).
- Beattie, Kirk J., 2000. *Egypt during the Sadat years* (New York: Palgrave Macmillan).
- Bowker, Robert, 2010. *Egypt and the politics of change in the Arab Middle East* (Cheltenham: Edward Elgar).
- Brown, Nathan J., 2011. 'The Brotherhood's coming-out party', commentary, Carnegie Endowment for International Peace, 24 March, <carnegieendowment.org/publications/index.cfm?fa=view&id=43230>(accessed 8 August 2011).
- Clifton, Jon and Lymari Morales, 2011. 'Egyptians', Tunisians' wellbeing plummets despite GDP gains', Gallup, 2 February, <www.gallup.com/poll/145883/Egyptians-Tunisians-Wellbeing-Plummets-Despite-GDP-Gains.aspx>(accessed 8 August 2011).
- Cordesman, Anthony H., 2009. *Saudi Arabia: national security in a troubled region* (Santa Barbara: ABC-CLIO).
- Deeb, Marius, 1979. *Party politics in Egypt: the Wafd and its rivals, 1919-1939* (London: Ithaca Press).
- Dowek, Ephraim, 2001. *Israel-Egyptian relations* (New York: Routledge).
- Economic Intelligence Unit, 2011. 'Egypt', 7 February, <country.eiu.com>(accessed 8 August 2011).
- Frisch, Hillel, 2001. 'Guns and butter in the Egyptian army', *Middle East Review of International Affairs*, 5(2): 1-12.
- Goodarzi, Jubin M., 2006. *Syria and Iran* (London: I. B. Tauris).
- Hart, Parker T., 1998. *Saudi Arabia and the United States: birth of a security partnership* (Bloomington: Indiana University Press).
- Heikal, Mohamed, 1983. *Autumn of fury: the assassination of Sadat* (London: André Deutsch).
- Human Rights Watch, 2011. 'Egypt: end torture, military trials of civilians', 11 March, <www.hrw.org/news/2011/03/11/egypt-end-torture-military-trials-civilians> (accessed 8 September 2011).
- IkhanWeb, 2011. 'Poll reveals 46% of voters choose FJP in parliamentary elections', 7 July, <www.ikhwanweb.com/article.php?id=28798>(accessed 8 August 2011).
- Kankowski, James, 2002. *Nasser's Egypt, Arab nationalism, and the United Arab Republic* (Boulder: Lynne Rienner).

- Khayr al-Din, Hana (ed.), 2008. *The Egyptian economy: current challenges and future prospects* (Cairo: American University in Cairo Press).
- Makar, Béatrice, 2007. *Egypt's foreign policy and its role as a regional power* (St Louis: Webster University Press).
- Malcolm, Andrew, 2011. 'Obama warns Egypt's Mubarak: "no going back"', *Los Angeles Times*, 10 February.
- Milton-Edwards, Beverly and Stephen Farrell, 2010. *Hamas: the Islamic resistance movement* (Cambridge: Polity Press).
- Mitchell, Richard Paul (ed.), 1993. *The Society of the Muslim Brothers* (Oxford: Oxford University Press).
- Mohammed, Arshad, 2010. 'US dismayed by Egyptian election process', *Reuters*, 29 November.
- Niblock, Tim, 2006. *Saudi Arabia: power, legitimacy, and survival* (New York: Routledge).
- Noe, Nicholas (ed.), 2007. *Voice of Hezbollah: the statements of Sayed Hassan Nasrallah* (London: Verso).
- Norton, Augustus Richard, 2007. *Hezbollah: a short history* (Princeton: Princeton University Press).
- Pargeter, Alison, 2011. *The Muslim Brotherhood: the burden of transition* (London: Saqi Books).
- Pew Research Center, 2011. 'US wins no friends, end of treaty with Israel is sought. Egyptians embrace revolt leaders, religious parties and military, as well', 25 April, <pewglobal.org/2011/04/25/egyptians-embrace-revolt-leaders-religious-parties-and-military-as-well/> (accessed 8 August 2011).
- Rubin, Barry (ed.), 2010. *The Muslim Brotherhood: the organization and policies of a global Islamist movement* (New York: Palgrave Macmillan).
- Saikal, Amin, 2003. *Islam and the West: conflict or cooperation?* (London: Palgrave Macmillan).
- Saikal, Amin, 2009. *The rise and fall of the Shah: Iran from autocracy to religious rule*, 2nd edn (Princeton: Princeton University Press).
- Simpson, Cam and Mariam Fam, 2011. 'Egypt's army marches, fights, sells chickens', *Business Week*, 17 February.
- Singerman, Diane, 2002. 'The politics of emergency rule in Egypt', *Current History*, 101(651), 29-35.

Slackman, Michael and Mona El-Naggar, 2011. 'Tunisia casts shadow over Arab summit meeting', *New York Times*, 19 January.

Tamimi, Azzam, 2007. *Hamas: a history from within* (New York: Olive Branch Press).

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luân hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.